

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28/01/2022
V/v Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lam – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vinh

Ông Nguyễn Thái Linh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thúy Hạnh, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 114/2021/DSST ngày 20/10/2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Văn Đ; sinh 08/3/1982; địa chỉ: Xóm T, xã P, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều O; sinh ngày 05/10/1991; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số nhà 38, đường P, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Cộng hòa Séc (vắng mặt có lý do).

- Người tham gia tố tụng khác (người được bị đơn ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ): Bà Lê Thị T; địa chỉ: Số nhà 38, đường P, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai của nguyên đơn cũng như các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn anh Đặng Văn Đ trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Kiều O đăng ký kết hôn vào ngày 02/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai anh chị chưa tổ chức lễ cưới và chưa sống chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cả hai đều thiếu kiềm chế cảm xúc nên đã xúc phạm nhau dẫn đến mất tình cảm. Tháng 4 năm 2010, anh Đ đi lao động tại Cộng hòa Séc. Sau khi đi anh Đ và chị O ít khi liên lạc với nhau, mỗi người tự lo cuộc sống của riêng mình. Năm 2013 chị O đi lao động tại Séc. Mặc dù ở cùng một nước nhưng hai anh chị không sống chung và không liên lạc với nhau. Năm 2017 anh Đ trở về Việt Nam, chị O vẫn ở nước ngoài. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh Đ làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị O.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều O trình bày thống nhất với anh Đặng Văn Đ về thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Khẳng định không còn tình cảm nên chị đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh Đ. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 19, 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Khoản 3 Điều 2, các Điều 28, 35, 37, 39, 228, Điều 273, khoản 2 Điều 479, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Văn Đ, xử cho anh Đặng Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều O. Về con chung: Không có. Về Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Thủ tục tố tụng:*

[1.1] Chị Nguyễn Thị Kiều O đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang cư trú tại nước ngoài (đã xuất

cảnh lần gần đây nhất vào ngày 19/02/2018 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh). Anh Đặng Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết việc ly hôn. Căn cứ quy định tại các Điều 28, 35, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng đã có yêu cầu được xét xử vắng mặt và trình bày đầy đủ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho bà Lê Thị T (là mẹ đẻ của chị O). Như vậy, việc vắng mặt của bị đơn không làm trở ngại cho việc xét xử và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị Kiều O đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 02/3/2010 (vào sổ đăng ký kết hôn số 137). Căn cứ quy định tại Điều Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị Kiều O là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị O thấy rằng: Sau khi đăng ký kết hôn, hai anh chị chưa sống chung thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Khi mâu thuẫn chưa được giải quyết thì anh Đ đi lao động nước ngoài. Từ thời điểm mâu thuẫn đến nay cả hai không sống chung, không quan tâm đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, hôn nhân chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tuy nhiên cuộc hôn nhân của anh Đ và chị O không đạt được mục đích đó. Hiện tại, cả hai đều có cuộc sống riêng, tình cảm thật sự không còn và đều không mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[2.2] Quan hệ con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 19, 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Khoản 3 Điều 2, các Điều 28, 35, 37, 39, Điều 227, Điều 273, khoản 2 Điều 479, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Văn Đ, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều O.

2. Về án phí: Anh Đặng Văn Đ phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000025 ngày 22/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Vắng mặt bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Lam